

Số: 127/2020/QĐST-HNGĐ

S, ngày 29 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - TP. ĐÀ NẴNG

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 134/2020/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc “*yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:
 - * *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*
 - + Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1992; trú tại: tổ 71, phường N, quận S, TP. Đà Nẵng
 - + Ông Phan Tuấn H, sinh năm: 1989; trú tại: thôn 1, tổ 1 Diên Phú, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19 tháng 6 năm 2020, người yêu cầu là bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tuấn H đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tuấn H kết hôn vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Hôn nhân tự nguyện (Giấy đăng ký kết hôn số 19/2011 quyển số III/2010 do UBND xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa chứng nhận ngày 21/3/2011). Sau khi kết hôn, ông bà sống tại nhà cha mẹ ông Huy ở D, tỉnh Khánh Hòa. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, không hòa giải được. Nguyên nhân là do hai vợ chồng

không hòa hợp, bất đồng về tính tình, quan điểm sống nên thường hay cãi vã nhau và đã sống ly thân từ năm 2017, bà T về lại Đà Nẵng sống, còn ông Phan Tuấn H vẫn sống tại D với hai con. Nay vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa, đã thống nhất thuận tình ly hôn nên ông bà yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của hai vợ chồng.

[2] Về con chung: bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tuấn H xác định có 02 con chung là Phan Tuấn K, sinh ngày 27/10/2011 (bị bệnh Dow, không biết nói); Phan Quang H, sinh ngày 19/4/2014. Ly hôn ông bà thỏa thuận, giao 02 con chung cho ông Phan Tuấn H trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị T không cấp dưỡng nuôi hai con.

[3] Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tuấn H xác định vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tuấn H xác định không có nợ chung.

[5] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tuấn H thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tuấn H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 06148 ngày 18.6.2020.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tuấn H thống nhất thuận tình ly hôn (Giấy đăng ký kết hôn số 19/2011 quyển số III/2010 do UBND xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa chứng nhận ngày 21/3/2011).

* Về con chung: bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tuấn H xác định có 02 con chung là Phan Tuấn K, sinh ngày 27/10/2011 (bị bệnh Dow, không biết nói); Phan Quang H, sinh ngày 19/4/2014. Ly hôn ông bà thỏa thuận, giao 02 con chung cho ông Phan Tuấn H trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị T không cấp dưỡng nuôi hai con.

Cả hai bên đương sự đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung các bên có quyền thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tuấn H xác định vợ chồng không có tài sản chung.

* Về nợ chung: bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tuấn H xác định không có nợ chung.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình: Lệ phí HNGĐ sơ thẩm 300.000 đồng bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tuấn H thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Nguyễn Thị T và ông Phan Tuấn H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 06148 ngày 18.6.2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSNDQ. S;
- Các đương sự;
- CC THADSQ. S;
- UBND xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Võ Thị Phước Hòa